

Họ và tên:

Lớp:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 – ĐỀ 2**Môn: Toán – Lớp 5***Thời gian làm bài: 40 phút***I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)**

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Chữ số 9 trong số 25,309 thuộc hàng nào ?

- A. Hàng đơn vị
- B. Hàng trăm
- C. Hàng phần mười
- D. Hàng phần nghìn

Câu 2. Có 20 viên bi, trong đó có 3 viên bi nâu, 4 viên bi xanh, 5 viên bi đỏ, 8 viên bi vàng. Như vậy $\frac{1}{5}$ số viên bi có màu:

- A. Nâu
- B. Đỏ
- C. Xanh
- D. Trắng

Câu 3. Thể tích của hình lập phương có cạnh 5dm là:

- A. 125dm^3
- B. 100dm^3
- C. 25dm^3
- D. 125dm^2

Câu 4. Chu vi hình tròn có đường kính 5cm là:

- A. 78,5cm
- B. 15,7cm
- C. 3,14cm
- D. 31,4cm

Câu 5. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$97,45 \times 0,01 = \dots$$

- A. 9745
- B. 974,5
- C. 9,745
- D. 0,9745

Câu 6. Một ô tô đi từ A đến B với vận tốc 54km/giờ. Tính quãng đường AB biết ô tô đi từ A đến B hết 2 giờ 45 phút.

- A. 132,3km
- B. 145km
- C. 148,5km
- D. 154km

Tự luận (7 điểm)**Bài 1.** (2 điểm) Đặt tính rồi tính

- a) $256,34 + 28,57$
- b) $567,4 - 159,28$
- c) $13,6 \times 8$
- d) $43,44 : 1,2$

.....
.....
.....
.....

Bài 2. (1 điểm) Điền dấu thích hợp (<; >; =) vào chỗ chấm:

a) $279,5 \dots 279,49$

b) $19,189 \dots 19,19$

c) $327,500 \dots 327,5$

d) $11,608 \dots 11,68$

Bài 3. (1 điểm) Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) $8\text{km } 236\text{m} = \dots \text{ km}$

b) $1 \text{ giờ } 30 \text{ phút} = \dots \text{ giờ}$

c) $15\text{kg } 287\text{g} = \dots \text{ kg}$

d) $32\text{cm}^2 \text{ } 5\text{mm}^2 = \dots \text{ cm}^2$

Bài 4. (2 điểm) Hai xe ô tô khởi hành lúc 8 giờ 15 phút, một xe đi từ A đến B với vận tốc 43km/giờ, một xe đi từ B đến A với vận tốc 45 km/giờ. Biết quãng đường AB dài 220km. Hỏi hai xe gặp nhau lúc mấy giờ?

.....
.....
.....
.....

Bài 5. (1 điểm) Cho hai số thập phân có tổng bằng 69,85. Nếu chuyển dấu phẩy ở số bé sang phải một hàng ta được số lớn. Tìm hai số đó.

Trả lời: Số lớn là: ...

Số bé là : ...

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Phần 1. Trắc nghiệm**Câu 1.****Phương pháp:**

Những chữ số ở bên trái dấu phẩy thuộc về phần nguyên, những chữ số ở bên phải dấu phẩy thuộc về phần thập phân.

Cách giải:

Chữ số 9 trong số 25, 309 thuộc hàng phần nghìn.

Chọn D.

Câu 2.**Phương pháp:**

Tìm $\frac{1}{5}$ của 20 viên bi (lấy 20 chia cho 5), từ đó xác định được $\frac{1}{5}$ số viên bi có màu gì.

Cách giải:

$\frac{1}{5}$ của 20 viên bi là: $20 : 5 = 4$ (viên bi)

Ta thấy có 4 viên bi màu xanh. Do đó $\frac{1}{5}$ số viên bi có màu xanh.

Chọn C.

Câu 3.**Phương pháp:**

Muốn tính thể tích hình lập phương ta lấy cạnh nhân với cạnh rồi nhân với cạnh.

Cách giải:

Thể tích của hình lập phương có cạnh 5dm là:

$$5 \times 5 \times 5 = 125 \text{ (dm}^3\text{)}$$

Đáp số: 125dm³.

Chọn A.

Câu 4.**Phương pháp:**

Muốn tính chu vi hình tròn ta lấy đường kính nhân với số 3,14.

Cách giải:

Chu vi hình tròn có đường kính 5cm là:

$$5 \times 3,14 = 15,7 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 15,7cm.

Chọn B.

Câu 5.**Phương pháp:**

Khi nhân một số thập phân với số 0,01 ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó sang bên trái hai chữ số.

Cách giải:

Ta có: $97,45 \times 0,01 = 0,9745$.

Chọn D.

Câu 6.**Phương pháp:**

Đổi: 2 giờ 45 phút = 2,75 giờ.

Muốn tính quãng đường ta lấy vận tốc nhân với thời gian.

Cách giải:

Đổi: 2 giờ 45 phút = 2,75 giờ.

Độ dài quãng đường AB là:

$$54 \times 2,75 = 148,5 \text{ (km)}$$

Đáp số: 148,5km.

Chọn C.

Phần 2. Tự luận**Bài 1.****Phương pháp:**

Đặt tính rồi tính theo các quy tắc đã học về phép cộng, trừ, nhân, chia số thập phân.

Cách giải:

$$\begin{array}{r} a) \quad 256,34 \\ + \quad 28,57 \\ \hline 284,91 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} b) \quad 567,4 \\ - \quad 159,28 \\ \hline 408,12 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} c) \quad 13,6 \\ \times \quad 8 \\ \hline 108,8 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} d) \quad 43,44 \overline{) 1,2} \\ \underline{74} \\ 24 \\ \underline{24} \\ 0 \end{array}$$

Bài 2.**Phương pháp:**

- So sánh các phần nguyên của hai số đó như so sánh hai số tự nhiên, số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.
- Nếu phần nguyên của hai số đó bằng nhau, thì ta so sánh phần thập phân, lần lượt từ hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn ... đến cùng một hàng nào đó, số thập phân nào có chữ số ở hàng tương ứng lớn hơn thì số đó lớn hơn.
- Nếu phần nguyên và phần thập phân của hai số đó bằng nhau thì hai số đó bằng nhau.

Cách giải:

- a) $279,5 > 279,49$
- b) $19,189 < 19,19$
- c) $327,500 = 327,5$
- d) $11,608 < 11,68$

Bài 2.**Phương pháp:**

Áp dụng kiến thức:

$$1\text{km} = 1000\text{m} \text{ hay } 1\text{m} = \frac{1}{1000} \text{ km} = 0,001\text{km}$$

$$1 \text{ giờ} = 60 \text{ phút} \text{ hay } 1 \text{ phút} = \frac{1}{60} \text{ giờ}$$

$$1\text{kg} = 1000\text{g} \text{ hay } 1\text{g} = \frac{1}{1000} \text{ kg} = 0,001\text{kg};$$

$$1\text{cm}^2 = 100\text{mm}^2 \text{ hay } 1\text{mm}^2 = \frac{1}{100} \text{ cm}^2 = 0,01\text{cm}^2.$$

Cách giải:

- a) $8\text{km } 362\text{m} = 8,362\text{km}$
- b) $1 \text{ phút } 30 \text{ giây} = 1,5 \text{ phút}$
- c) $15\text{kg } 287\text{g} = 15,287\text{kg}$
- d) $32\text{cm}^2 \text{ } 5\text{mm}^2 = 32,05\text{cm}^2$

Bài 4.**Phương pháp:**

- Tính quãng đường cả hai xe đi được trong 1 giờ.
- Tính thời gian đi để gặp nhau ta lấy độ dài quãng đường AB chia cho quãng đường cả hai xe đi được trong 1 giờ.
- Tính thời điểm gặp nhau ta lấy thời gian xuất phát cộng với thời gian đi để gặp nhau.

Cách giải:

Sau mỗi giờ, cả hai ô tô đi được quãng đường là:

$$43 + 45 = 88 \text{ (km)}$$

Thời gian hai ô tô đi để gặp nhau là:

$$220 : 88 = 2,5 \text{ (giờ)}$$

$$2,5 \text{ giờ} = 2 \text{ giờ } 30 \text{ phút}$$

Hai ô tô gặp nhau lúc:

$$8 \text{ giờ } 15 \text{ phút} + 2 \text{ giờ } 30 \text{ phút} = 10 \text{ giờ } 45 \text{ phút}$$

Đáp số: 10 giờ 45 phút.

Bài 5.

Phương pháp:

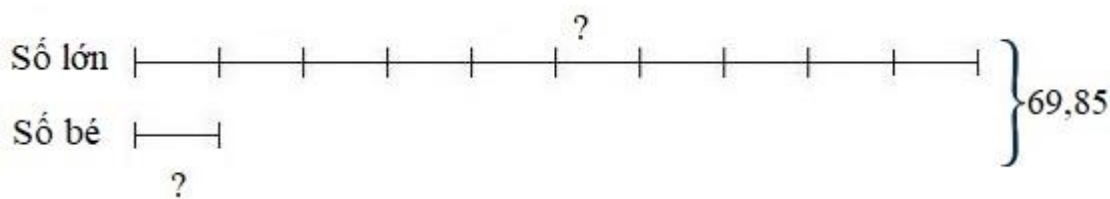
Vì chuyển dấu phẩy ở số bé sang phải một hàng ta được số lớn nên số lớn gấp 10 lần số bé.

Tìm số lớn và số bé theo bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.

Cách giải:

Vì chuyển dấu phẩy ở số bé sang phải một hàng ta được số lớn nên số lớn gấp 10 lần số bé.

Ta có sơ đồ:



Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

$$10 + 1 = 11 \text{ (phần)}$$

Số lớn là:

$$69,85 : 11 \times 10 = 63,5$$

Số bé là:

$$69,85 - 63,5 = 6,36$$

Đáp số: Số lớn là: 63,5.

Số bé là: 6,35.